

QUY ĐỊNH

Một số nội dung chi, mức chi thực hiện
công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương
(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 27 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021.
- Người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
- Người được phân công trực tiếp thực hiện các nội dung tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP.
- Các phòng nghiệp vụ, Công an cấp huyện, Công an cấp xã thuộc Công an tỉnh Hải Dương (gọi tắt là cơ quan Công an các đơn vị, địa phương).
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ hỗ trợ đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy

Hỗ trợ đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện tại địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số

109/2021/NĐ-CP (*thời gian xác định tình trạng nghiện ma túy tối đa không quá 05 ngày*), cụ thể như sau:

1. Chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy từ nơi bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy đến địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy: Nội dung chi, mức chi áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính.

2. Định mức tiền ăn trong thời gian thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy: 62.400 đồng/người/ngày.

3. Tiền điện, nước sinh hoạt; tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân hàng ngày (*bàn chải, kem đánh răng, xà phòng tắm, xà phòng giặt, dầu gội, khăn mặt, dép nhựa*) và băng vệ sinh (*đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy là nữ*) tính cho một lần chấp hành: Mức hỗ trợ thanh toán theo thực tế phát sinh, tối đa không quá 350.000 đồng/người.

4. Chi phí điều trị hội chứng cai (*bao gồm cả test xét nghiệm ma túy*) và các bệnh kèm theo (*nếu có*): Mức chi theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

5. Chi phí mai táng đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy tại địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xác định đối tượng chết: Mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP

Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xác định đối tượng chết: Mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 5. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trong trường hợp được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ 100% chỗ ở; chi phí nhân công, chi phí vật tư, vật liệu, công cụ, dụng cụ, chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định đối với người cai

nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập: Mức hỗ trợ tối đa không quá mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt; tiền tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu; chi phí học nghề ngắn hạn nếu chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

3. Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xác định đối tượng chết: Mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp thực hiện các nội dung tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP

Hỗ trợ đối với người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng được phân công trực tiếp thực hiện các nội dung tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP: Mức hỗ trợ bằng 0,4 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

Điều 7. Hỗ trợ cho lực lượng Công an trực tiếp tham gia bắt giữ, khởi tố vụ án hình sự về các tội phạm ma túy rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và bắt giữ đối tượng truy nã phạm tội về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương

1. Hỗ trợ lực lượng Công an (thuộc các phòng nghiệp vụ, Công an cấp huyện, Công an cấp xã của Công an tỉnh Hải Dương) trực tiếp tham gia bắt giữ, khởi tố vụ án hình sự về các tội phạm ma túy rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại Điều 9 Bộ Luật hình sự năm 2015. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Vụ án hình sự về các tội phạm ma túy rất nghiêm trọng: 10.000.000 đồng/vụ án.

b) Vụ án hình sự về các tội phạm ma túy đặc biệt nghiêm trọng: 20.000.000 đồng/vụ án.

c) Vụ án hình sự về các tội phạm ma túy đặc biệt nghiêm trọng, tính chất hoạt động liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia và có quyết định khen thưởng hoặc thư khen hoặc văn bản biểu dương của Bộ Công an hoặc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy: 100.000.000 đồng/vụ án.

2. Hỗ trợ lực lượng Công an (thuộc các phòng nghiệp vụ, Công an cấp huyện, Công an cấp xã của Công an tỉnh Hải Dương) trực tiếp tham gia bắt giữ đối tượng truy nã phạm tội về ma túy. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy ở trong nước: 10.000.000 đồng/01 đối tượng.

b) Bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy ở nước ngoài: 20.000.000 đồng/01 đối tượng.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định một số nội dung chi và mức chi cho người cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trong trường hợp được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ 100% chỗ ở; chi phí nhân công, chi phí vật tư, vật liệu, công cụ, dụng cụ, chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; Mức hỗ trợ tối đa không quá mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy tính cho một lần chấp hành và thuốc chữa bệnh thông thường hàng tháng.

c) Hỗ trợ tiền ăn, tiền băng vệ sinh (*đối với nữ*), tiền điện, nước sinh hoạt hàng tháng; Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

d) Hỗ trợ tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân tính cho một lần chấp hành; tiền tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu; chi phí học nghề ngắn hạn nếu chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng; Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

đ) Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xác định đối tượng chết; Mức hỗ trợ bằng 20 lần

mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 5 như sau:

“2. Hỗ trợ tiền ăn, tiền băng vệ sinh (*đối với nữ*) hàng tháng: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

3. Hỗ trợ tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho một lần chấp hành: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.”

Điều 9. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.
